

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Các báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng
ngày

Ernst & Young

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh các báo cáo tài chính	13 - 43

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

Giấy phép điều chỉnh số	Nội dung điều chỉnh	Ngày
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và có các chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm/Hết nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
	Phó Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
	Thành viên	Từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Nữ Tường Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 18 tháng 4 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Hết nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
	Thành viên	Hết nhiệm kỳ ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012
	Trưởng ban	Hết nhiệm kỳ ngày 18 tháng 4 năm 2012
Ông Đào Công Thắng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Từ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Võ Duy Đạo	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký các báo cáo tài chính của Công ty là ông Nguyễn Hiếu, chức danh Tổng Giám đốc, theo ủy quyền của ông Nguyễn Miên Tuấn tại Quyết định số 23/2012/QĐ-HDQT ngày 16 tháng 10 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Số tham chiếu: 60752721/15505203

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 43 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0048/KTV



Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1672/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số dư cuối năm VNĐ	Số dư đầu năm VNĐ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		564.547.655.665	872.637.772.298
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	131.517.142.289	188.615.436.519
111	1. Tiền		111.517.142.289	188.615.436.519
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		47.275.845.234	113.080.729.079
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	112.264.390.116	207.189.713.737
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(64.988.544.882)	(94.108.984.658)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	382.289.159.222	567.100.002.139
131	1. Phải thu khách hàng		119.344.818	86.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		25.000.000	61.370.745
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		213.772.758.518	380.951.502.238
138	4. Các khoản phải thu khác		185.661.553.775	195.751.650.918
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(17.289.497.889)	(9.750.521.762)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.465.508.920	3.841.604.561
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		657.266.278	951.385.225
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		2.808.242.642	2.890.219.336
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.829.554.997	39.891.434.368
220	I. Tài sản cố định		18.195.819.819	22.055.198.160
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	10.754.237.835	13.560.453.813
222	Nguyên giá		30.596.377.520	29.680.383.848
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.842.139.685)	(16.119.930.035)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	7.027.640.443	8.165.072.347
228	Nguyên giá		10.177.412.699	9.979.026.036
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.149.772.256)	(1.813.953.689)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	12	413.941.541	329.672.000
260	II. Tài sản dài hạn khác		17.633.735.178	17.836.236.208
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.611.136.509	2.652.914.653
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	25.3	6.384.932.543	6.384.932.543
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	14	6.324.959.894	5.464.182.780
268	4. Tài sản dài hạn khác	15	3.312.706.232	3.334.206.232
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		600.377.210.662	912.529.206.666

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số dư cuối năm VNĐ	Số dư đầu năm VNĐ
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		364.685.140.878	649.199.961.159
310	I. Nợ ngắn hạn		363.883.785.878	648.445.843.159
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	247.000.000.000	450.441.572.364
312	2. Phải trả người bán		628.347.967	492.460.334
313	3. Người mua trả tiền trước		794.594.818	718.326.410
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	252.776.594	275.552.508
315	5. Phải trả người lao động		7.796.755	12.462.026
316	6. Chi phí phải trả	18	3.958.421.537	29.389.153.948
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	39.221.581.584	114.097.618.728
321	8. Trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.416.860.486	2.595.362.086
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	69.603.406.137	50.423.334.755
330	II. Nợ dài hạn		801.355.000	754.118.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		801.355.000	754.118.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		235.692.069.784	263.329.245.507
410	I. Vốn chủ sở hữu		235.692.069.784	263.329.245.507
411	1. Vốn cổ phần	21.1	349.799.870.000	349.799.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	33.476.130.000
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
419	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. Lỗ lũy kế		(151.898.246.766)	(124.261.071.043)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		600.377.210.662	912.529.206.666

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Số dư cuối năm VNĐ	Số dư đầu năm VNĐ
006	1. Chứng khoán lưu ký	6.233.329.670.000	4.147.492.340.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	3.601.374.890.000	3.154.959.900.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	1.350.880.000	4.932.750.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	3.565.970.250.000	3.138.843.240.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	34.053.760.000	11.183.910.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	19.669.680.000	26.072.250.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	19.669.680.000	26.072.250.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	2.040.303.630.000	135.442.390.000
018	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	21.076.000.000	38.452.900.000
019	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	2.019.227.630.000	96.989.490.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	51.045.400.000	83.510.800.000
028	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	1.100.000.000	142.000.000
029	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	49.944.400.000	83.368.800.000
030	1.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	1.000.000	-
032	1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	14.000.000.000	-
034	1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	14.000.000.000	-

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Số dư cuối năm VNĐ	Số dư đầu năm VNĐ
037	1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	617.990.000	230.451.030.000
038	1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	1.120.000
039	1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	617.990.000	230.437.510.000
040	1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	12.400.000
042	1.7. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	506.318.080.000	517.055.970.000
044	1.7.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	506.318.080.000	517.055.970.000
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	123.768.080.000	93.066.150.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	121.409.320.000	90.601.750.000
052	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	2.640.000	840.000
053	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	121.404.810.000	90.600.910.000
054	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.870.000	-
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	2.324.720.000	2.350.400.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	2.324.720.000	2.350.400.000
071	2.3. Chứng khoán chờ thanh toán	34.040.000	114.000.000
073	2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	34.040.000	114.000.000
083	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	17.275.000.000	25.159.960.000

Người lập:



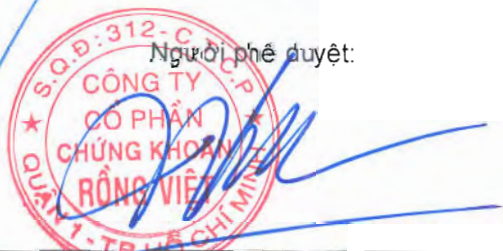
Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VNĐ	VNĐ
01	1. Doanh thu	22	101.681.678.093	161.572.471.207
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		29.435.780.674	16.070.926.153
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		12.518.491.314	13.651.925.282
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		390.000.000	-
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		22.066.088.451	112.135.250.036
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.536.488.258	-
01.9	Doanh thu khác		33.734.829.396	19.714.369.736
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		101.681.678.093	161.572.471.207
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(84.403.256.561)	(231.426.652.724)
20	5. Lợi nhuận (lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh		17.278.421.532	(69.854.181.517)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(45.737.161.010)	(58.530.812.303)
30	7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(28.458.739.478)	(128.384.993.820)
31	8. Thu nhập khác		832.626.314	2.799.466.826
32	9. Chi phí khác		(11.062.559)	(756.936.602)
40	10. Lợi nhuận khác		821.563.755	2.042.530.224
50	11. Tổng lỗ trước thuế		(27.637.175.723)	(126.342.463.596)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.3	-	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(27.637.175.723)	(126.342.463.596)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	26	(790)	(3.612)

Người lập:



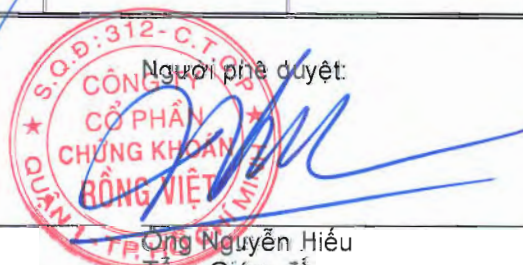
Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ trước thuế		(27.637.175.723)	(126.342.463.596)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao TSCĐ và phân bổ	10,11,13	7.044.275.974	6.454.115.601
03	Các khoản lập dự phòng	7,9	(21.581.463.649)	76.082.265.519
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.410.323.040)	(12.847.246.422)
06	Chi phí lãi vay	23	52.735.443.430	120.904.607.213
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		2.150.756.992	64.251.278.315
09	Giảm các khoản phải thu		176.514.566.370	14.086.908.093
10	Giảm chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		94.925.323.621	43.552.909.506
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		4.771.442.751	(10.790.079.626)
12	Giảm các khoản chi phí trả trước		294.118.947	973.463.963
13	Lãi vay đã trả		(78.143.987.751)	(97.560.341.225)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(165.687.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		200.512.220.930	14.348.452.026
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(2.153.632.018)	(6.741.661.500)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		53.636.361	43.181.813
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.367.199.208	11.800.430.609
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.267.203.551	5.101.950.922

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền vay ngắn hạn		2.088.273.566.216	1.482.589.600.851
	Trả tiền vay ngắn hạn		(2.291.715.138.580)	(1.553.391.157.336)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(203.441.572.364)	(70.801.556.485)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.337.852.117	(51.351.153.537)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	24.178.101.507	75.529.255.044
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	27.515.953.624	24.178.101.507

Người lập:



Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2011	Ngày 1 tháng 1 năm 2012	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
		VNĐ	VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	VNĐ	VNĐ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn cổ phần		349.799.870.000	349.799.870.000	-	-	-	-	349.799.870.000	349.799.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		33.476.130.000	33.476.130.000	-	-	-	-	33.476.130.000	33.476.130.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275	-	-	-	-	2.157.158.275	2.157.158.275
5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.081.392.553	(124.261.071.043)	-	(126.342.463.596)	-	(27.637.175.723)	(124.261.071.043)	(151.898.246.766)
Cộng		389.671.709.103	263.329.245.507	-	(126.342.463.596)	-	(27.637.175.723)	263.329.245.507	235.692.069.784

Người lập:



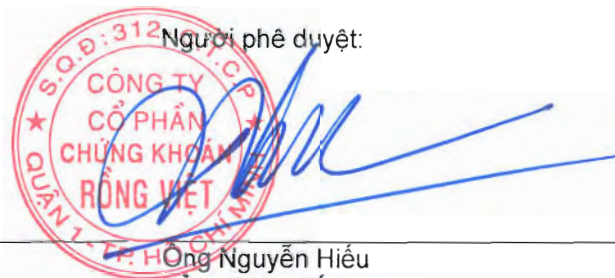
Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và theo các Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
32/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng	Ngày 15 tháng 8 năm 2007
147/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 330.000.000.000 đồng	Ngày 8 tháng 8 năm 2008
312/UBCK-GP	Chuyển trụ sở chính	Ngày 11 tháng 3 năm 2010
347/UBCK-GP	Tăng vốn điều lệ lên 349.799.870.000 đồng	Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 349.799.870.000 đồng.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 đường Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 3 chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 161 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 200 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Dự phòng cho các khoản phải thu được lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Ba (3) năm trở lên	100%

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí để xây dựng chuỗi nhận dạng thương hiệu của Công ty.

Bản quyền bao gồm các chi phí mua bản quyền phần mềm tin học ứng dụng văn phòng và phục vụ giao dịch chứng khoán.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	6 - 8 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	5 năm
Bản quyền	5 năm
Tài sản vô hình khác	5 năm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến năm (5) năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.8 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại. Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh"

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.



3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.11.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điều 42 của Bộ Luật Lao động.

3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế TNDN doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	85.690.875	73.930.976
Tiền gửi ngân hàng	104.839.771.045	87.602.430.701
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	6.591.680.369	100.939.074.842
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	131.517.142.289	188.615.436.519

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản sau:

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	85.690.875	73.930.976
Tiền gửi ngân hàng	104.839.771.045	87.602.430.701
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	6.591.680.369	100.939.074.842
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
	<u>131.517.142.289</u>	<u>188.615.436.519</u>
<i>Trừ:</i>		
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (<i>Thuyết minh số 19</i>)	(38.884.845.600)	(113.994.676.000)
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (<i>Thuyết minh số 20</i>)	(65.116.339.565)	(50.377.695.112)
Cổ tức của nhà đầu tư	(3.500)	(64.963.900)
	<u>(104.001.188.665)</u>	<u>(164.437.335.012)</u>
TỔNG CỘNG	<u>27.515.953.624</u>	<u>24.178.101.507</u>

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng chứng khoán thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</i>
	<i>Đơn vị cổ phiếu</i>	VNĐ
Của Công ty	11.014.471	192.862.043.703
Cổ phiếu	11.014.469	192.860.043.703
Trái phiếu	2	2.000.000
Của nhà đầu tư	1.442.766.450	21.323.974.667.900
Cổ phiếu	1.442.766.450	21.323.974.667.900
TỔNG CỘNG	<u>1.453.780.921</u>	<u>21.516.836.711.603</u>

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	VNĐ			
	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Đầu tư ngắn hạn (<i>Thuyết minh số 6.2</i>)	207.189.713.737	6.134.979.083	101.060.302.704	112.264.390.116

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

VNĐ

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường (*)	
					Tăng		Giảm			
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Cổ phiếu niêm yết										
Công ty CP Vận Tải Biển Vinaship (VNA)	743.560	771.560	10.681.603.006	12.583.358.746	-	-	(8.599.635.006)	(9.728.586.746)	2.081.968.000	2.854.772.000
Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (KSB)	649.971	410.140	26.671.842.857	28.313.092.237	-	-	(14.582.382.257)	(13.096.898.237)	12.089.460.600	15.216.194.000
Công ty CP Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (VMC)	528.000	504.400	29.218.593.993	29.022.557.970	-	-	(19.714.593.993)	(21.456.557.970)	9.504.000.000	7.566.000.000
Công ty CP ĐT Năm Bảy Bảy (NBB)	256.133	256.243	20.388.984.005	20.397.740.347	-	-	(13.755.139.305)	(7.867.457.647)	6.633.844.700	12.530.282.700
Công ty Cổ phần Hợp Tác Kinh Tế và Xuất Nhập Khẩu (SAV)	60.000	-	739.550.000	-	-	-	(319.550.000)	-	420.000.000	-
Công ty CP Mía đường Lam Sơn (LSS)	5	165.205	140.786	4.653.646.052	-	-	(61.286)	(1.299.984.552)	79.500	3.353.661.500
Công ty CP SXKD XNK DV và Đầu tư Tân Bình - Tanimex (TIX)	4	966.434	101.568	24.841.189.295	-	-	(25.568)	(8.121.881.095)	76.000	16.719.308.200
Công ty CP Xây dựng Số 5 (SC5)	2	4.826	95.352	230.304.138	-	-	(67.552)	(191.213.538)	27.800	39.090.600
Công ty CP MT Gas (MTG)	-	676.290	-	9.268.702.269	-	-	-	(7.307.461.269)	-	1.961.241.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HBB)	-	378.002	-	3.780.078.019	-	-	-	(2.192.469.619)	-	1.587.608.400
Quỹ ĐT Năng Động Việt Nam (VFA)	-	200.000	-	2.030.000.000	-	-	-	(1.010.000.000)	-	1.020.000.000
Khác	8.563	7.561	139.078.549	152.199.664	4.753.266	2.740.421	(59.089.915)	(77.673.985)	84.741.900	77.266.100
	2.246.238	4.340.661	87.839.990.116	135.272.868.737	4.753.266	2.740.421	(57.030.544.882)	(72.350.184.658)	30.814.198.500	62.925.424.500

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

6.2 Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

VNĐ

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường (*)	
					Tăng		Giảm			
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Cổ phiếu chưa niêm yết										
Công ty Cổ Phần Kiến Trúc Xây Dựng Nhà Vui (NHAVUI)	670.500	-	4.814.400.000	-	46.725.000	-	-	-	4.861.125.000	-
Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam (SANHSUTTVN)	475.000	475.000	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú (DORUFOAM)	450.000	450.000	4.500.000.000	4.500.000.000	-	900.000.000	-	-	4.500.000.000	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung (CER)	132.000	90.000	2.610.000.000	2.250.000.000	-	-	(1.158.000.000)	(1.170.000.000)	1.452.000.000	1.080.000.000
Công ty Cổ phần Dược Phú Yên (PYMEPHARCO)	-	505.996	-	33.146.845.000	-	754.887.000	-	-	-	33.901.732.000
Công ty Cổ phần Âu Lạc (AULAC)	-	195.000	-	11.400.000.000	-	-	-	(9.060.000.000)	-	2.340.000.000
Quý Đầu tư Tăng trưởng Việt Long (VLF)	-	800.000	-	8.120.000.000	-	-	-	(4.728.800.000)	-	3.391.200.000
	1.727.500	2.515.996	24.424.400.000	71.916.845.000	46.725.000	1.654.887.000	(7.958.000.000)	(21.758.800.000)	16.513.125.000	51.812.932.000
TỔNG CỘNG	3.973.738	6.856.657	112.264.390.116	207.189.713.737	51.478.266	1.657.627.421	(64.988.544.882)	(94.108.984.658)	47.327.323.500	114.738.356.500

(*) Đối với các chứng khoán vốn chưa niêm yết thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	57.030.544.882	72.350.184.658
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	7.958.000.000	21.758.800.000
TỔNG CỘNG	64.988.544.882	94.108.984.658

Tình hình thay đổi dự phòng giám giá chứng khoán trong năm như sau:

VNĐ	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	94.108.984.658	25.799.032.423
Tăng trong năm (<i>Thuyết minh số 23</i>)	19.125.897.049	86.890.366.155
Hoàn nhập trong năm (<i>Thuyết minh số 23</i>)	(48.246.336.825)	(18.580.413.920)
Số cuối năm	64.988.544.882	94.108.984.658

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số dư đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm			Số dư phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khách hàng	86.000.000	-	-	4.941.109.954	4.907.765.136	119.344.818	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	61.370.745	-	-	7.278.283.784	7.314.654.529	25.000.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	380.951.502.238	-	11.081.325.030	2.830.184.219.983	2.997.362.963.703	213.772.758.518	-	20.428.180.911	15.311.289.411
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	243.705.166	-	-	19.823.833.184	18.988.971.466	1.078.566.884	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	3.382.712.283	-	-	1.590.119.652.080	1.593.502.364.363	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ và hợp tác đầu tư	377.107.114.789	-	11.081.325.030	1.218.110.222.719	1.384.234.155.874	210.983.181.634	-	20.428.180.911	15.311.289.411
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	217.970.000	-	-	2.130.372.000	637.472.000	1.710.870.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	140.000	-	140.000	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	195.751.650.918	-	1.978.208.478	327.020.790.529	337.110.887.672	185.661.553.775	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	20.304.146.842	-	-	68.003.991.726	76.751.602.689	11.556.535.879	-	-	-
- Khoản phải thu từ nhân viên	1.978.208.478	-	1.978.208.478	-	-	1.978.208.478	-	1.978.208.478	1.978.208.478
- Ủy thác đầu tư	172.026.294.150	-	-	19.600.000	124.495.192.324	47.550.701.826	-	-	-
- Cổ tức	1.003.634.000	-	-	8.359.776.900	9.363.410.900	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	439.367.448	-	-	250.637.421.903	126.500.681.759	124.576.107.592	-	-	-
TỔNG CỘNG	576.850.523.901	-	13.059.533.508	3.169.424.404.250	3.346.696.271.040	399.578.657.111	-	22.406.389.389	17.289.497.889

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	9.750.521.762	1.978.208.478
Số trích lập trong năm (Thuyết minh số 24)	7.538.976.127	7.772.313.284
Số dư cuối năm	17.289.497.889	9.750.521.762

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	25.082.950.748	4.597.433.100	29.680.383.848
Tăng trong năm	1.870.975.814	-	1.870.975.814
<i>Trong đó:</i>			
Mua trong năm	1.769.508.477	-	1.769.508.477
Đầu tư XD/CB hoàn thành (Thuyết minh số 12)	101.467.337	-	101.467.337
Giảm do thanh lý	(954.982.142)	-	(954.982.142)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	25.998.944.420	4.597.433.100	30.596.377.520
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	8.260.129.426	450.747.000	8.710.876.426
Giá trị hao mòn			
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	13.899.346.156	2.220.583.879	16.119.930.035
Khấu hao trong năm	3.900.440.420	766.238.843	4.666.679.263
Giảm do thanh lý	(944.469.613)	-	(944.469.613)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	16.855.316.963	2.986.822.722	19.842.139.685
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	11.183.604.592	2.376.849.221	13.560.453.813
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	9.143.627.457	1.610.610.378	10.754.237.835

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ				
	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Nhãn hiệu hàng hóa</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản vô hình khác (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	8.150.976.240	307.500.192	1.061.858.926	458.690.678	9.979.026.036
Tăng trong năm	198.386.663	-	-	-	198.386.663
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đầu tư XDCCB hoàn thành (Thuyết minh số 12)</i>	<u>198.386.663</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>198.386.663</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>8.349.362.903</u>	<u>307.500.192</u>	<u>1.061.858.926</u>	<u>458.690.678</u>	<u>10.177.412.699</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.061.858.926</u>	<u>51.690.678</u>	<u>1.113.549.604</u>
Giá trị hao mòn					
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	676.982.585	76.875.045	928.264.143	131.831.916	1.813.953.689
Khấu hao trong năm	<u>1.052.431.659</u>	<u>61.500.036</u>	<u>133.594.783</u>	<u>88.292.089</u>	<u>1.335.818.567</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>1.729.414.244</u>	<u>138.375.081</u>	<u>1.061.858.926</u>	<u>220.124.005</u>	<u>3.149.772.256</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2012	<u>7.473.993.655</u>	<u>230.625.147</u>	<u>133.594.783</u>	<u>326.858.762</u>	<u>8.165.072.347</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>6.619.948.659</u>	<u>169.125.111</u>	<u>-</u>	<u>238.566.673</u>	<u>7.027.640.443</u>

(*) Tài sản vô hình khác bao gồm các chi phí xây dựng hệ thống bằng giá điện tử và các trang thông tin điện tử hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Khoản mục này thể hiện các khoản chi phí mua phần mềm lõi chứng khoán và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm lõi này để phục vụ cho quản lý hoạt động Công ty trong lĩnh vực chứng khoán, chi tiết như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	329.672.000	9.529.462.374
Tăng trong năm	384.123.541	5.576.282.500
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10)	(101.467.337)	(7.138.290.374)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 11)	(198.386.663)	(7.637.782.500)
Số dư cuối năm	413.941.541	329.672.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chi phí trả trước trang thiết bị nội thất	1.070.619.867	1.806.858.691
Chi phí trả trước thi công, lắp đặt bảng hiệu, hệ thống cáp mạng, hệ thống điện, phần mềm	540.516.642	846.055.962
Tổng cộng	1.611.136.509	2.652.914.653

Tình hình phân bổ chi phí trả trước trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.652.914.653	3.670.329.193
Phân bổ trong năm	(1.041.778.144)	(1.017.414.540)
Số dư cuối năm	1.611.136.509	2.652.914.653

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.464.182.780	3.547.518.159
Tiền nộp bổ sung	363.547.217	1.737.236.485
Tiền lãi nhận được	497.229.897	179.428.136
Số dư cuối năm	6.324.959.894	5.464.182.780

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính, chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh ở Hà Nội của Công ty.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Kỳ hạn	Lãi suất	Số cuối năm	Số đầu năm	Tài sản
	tháng	(%/năm)	VNĐ	VNĐ	đảm bảo
Vay ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3-6	14,00	72.000.000.000	149.000.000.000	Cổ phiếu
Nhận góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư					
Nhận từ cá nhân	1-3	11,00 - 17,00	-	1.030.000.000	Tín chấp
Nhận từ đối tượng khác	6	13,50	175.000.000.000	300.411.572.364	Tín chấp
TỔNG CỘNG			247.000.000.000	450.441.572.364	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	210.999.321	243.064.492
Thuế giá trị gia tăng	41.777.273	32.488.016
TỔNG CỘNG	252.776.594	275.552.508

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Lương tháng 13	1.744.133.010	1.963.556.279
Chi phí môi giới, phí lưu ký chứng khoán	520.014.576	385.246.209
Lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả	516.055.556	25.924.599.877
Hoa hồng đại lý	63.233.956	63.233.956
Các khoản khác	1.114.984.439	1.052.517.627
TỔNG CỘNG	3.958.421.537	29.389.153.948

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	38.884.845.600	113.994.676.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	336.735.984	102.942.728
TỔNG CỘNG	39.221.581.584	114.097.618.728

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	29.534.592	35.228.518
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	65.116.339.565	50.377.695.112
Phải trả khác	4.457.531.980	10.411.125
TỔNG CỘNG	69.603.406.137	50.423.334.755

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Vốn cổ phần

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.800.000	38.000.000.000	10,86%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	3.468.700	34.687.000.000	9,92%
Lê Thị Ngọc Bích	2.576.595	25.765.950.000	7,37%
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	2.575.800	25.758.000.000	7,36%
	12.421.095	124.210.950.000	35,51%
Các cổ đông khác	22.558.892	225.588.920.000	64,49%
TỔNG CỘNG	34.979.987	349.799.870.000	100,00%

21.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.979.987	34.979.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu phổ thông	34.979.987	34.979.987
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

22. DOANH THU

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		
Doanh thu môi giới chứng khoán	29.435.780.674	16.070.926.153
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	12.518.491.314	13.651.925.282
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	390.000.000	-
Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư	22.066.088.451	112.135.250.036
Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.536.488.258	-
Doanh thu khác	33.734.829.396	19.714.369.736
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	101.681.678.093	161.572.471.207

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay và lãi hợp tác đầu tư	52.735.443.430	120.904.607.213
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	32.104.017.309	18.856.712.479
Chi phí nhân viên	13.618.745.261	15.960.544.775
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	7.151.416.290	2.909.145.516
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	3.725.378.453	2.011.566.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.034.074.675	1.150.758.673
Chi phí tư vấn tài chính	433.000.000	76.409.090
Chi phí bằng tiền khác	392.246.617	433.027.268
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	234.000.000	-
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	62.325.014	124.521.128
Chi phí khác	<u>1.033.049.288</u>	<u>689.408.328</u>
	113.523.696.337	163.116.700.489
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	19.125.897.049	86.890.366.155
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	<u>(48.246.336.825)</u>	<u>(18.580.413.920)</u>
TỔNG CỘNG	<u>84.403.256.561</u>	<u>231.426.652.724</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	□ 5.240.825.301	21.460.251.582
Chi phí nhân viên	14.920.686.743	17.922.755.162
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.538.976.127	7.772.313.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.968.423.155	4.285.942.388
Chi phí bằng tiền khác	830.409.294	3.024.800.876
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	1.068.875.591	1.487.419.654
Chi phí khác	<u>2.168.964.799</u>	<u>2.577.329.357</u>
TỔNG CỘNG	<u>45.737.161.010</u>	<u>58.530.812.303</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 25% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty không ghi nhận dự phòng thuế TNDN cho năm 2012 vì Công ty phát sinh lỗ thuần trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty ước tính mức thuế TNDN trong năm 2012 như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ kế toán trước thuế	(27.637.175.723)	(126.342.463.596)
<i>Trừ:</i>		
Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(8.367.199.208)	(12.804.064.609)
<i>Cộng:</i>		
Các khoản chi phí khác không được khấu trừ	8.405.581.127	9.689.847.337
Lỗ tính thuế ước tính trong năm	<u>(27.598.793.804)</u>	<u>(129.456.680.868)</u>

25.2 Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 182.595.204.845 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

						VNĐ
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã		Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2012	
			được sử dụng đến ngày 31/12/2012	Số không được chuyển lỗ		
2008	2013	94.430.567.580	(68.152.928.351)	(737.909.056)	25.539.730.173	
2011	2016	129.456.680.868	-	-	129.456.680.868	
2012	2017	27.598.793.804	-	-	27.598.793.804	
		<u>251.486.042.252</u>	<u>(68.152.928.351)</u>	<u>(737.909.056)</u>	<u>182.595.204.845</u>	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Năm nay	Năm trước
VNĐ				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lỗi tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	6.384.932.543	6.384.932.543	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ tính thuế ước tính phát sinh trong năm 2011 và 2012 có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai là 157.055.474.672 VNĐ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do Công ty chưa chắc chắn về khả năng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

26. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	(27.637.175.723)	(126.342.463.596)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đơn vị)	34.979.987	34.979.987
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	(790)	(3.612)

27. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
Tổng quỹ lương	28.539.432.004	33.883.299.937
Tiền thưởng	-	1.603.572.005
Tổng thu nhập	28.539.432.004	35.486.871.942
Tiền lương bình quân (tháng/người)	13.067.505	11.964.442
Thu nhập bình quân (tháng/người)	13.067.505	12.530.675

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
		<i>Giá trị</i>	
Cổ đông	Lãi tiền gửi	10.718.615.159	
	Vay ngắn hạn	1.661.607.481.680	
	Thanh toán vay ngắn hạn	1.738.607.481.680	
	Giao dịch mua bán cổ phiếu tự doanh	124.462.294.150	
Bên liên quan khác (*)	Tặng ủy thác đầu tư	19.600.000	
	Nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	175.000.000.000	

(*) Các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
		<i>Phải thu/(Phải trả)</i>	
Cổ đông	Vay ngắn hạn	(72.000.000.000)	
	Tiền gửi	27.164.178.858	
	Phải thu mua bán cổ phiếu tự doanh	124.462.294.150	
	Phải thu nghiệp vụ hợp tác đầu tư	22.185.654.000	
Bên liên quan khác (*)	Phải thu ủy thác đầu tư	47.550.701.826	
	Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	(175.000.000.000)	

(*) Các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	TP.HCM (*)	Hà Nội	Nha Trang	Cần Thơ	VNĐ Tổng cộng
Doanh thu					
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	24.998.770.279	2.834.572.251	610.754.324	991.683.820	29.435.780.674
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	12.518.491.314	-	-	-	12.518.491.314
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	390.000.000	-	-	-	390.000.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	20.330.857.779	980.771.977	-	754.458.695	22.066.088.451
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.536.488.258	-	-	-	3.536.488.258
- Doanh thu khác	28.752.545.531	4.150.429.436	580.385.680	1.084.095.063	34.567.455.710
Tổng cộng	90.527.153.161	7.965.773.664	1.191.140.004	2.830.237.578	102.514.304.407
Chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ năm	(114.446.795.466)	(10.545.233.787)	(1.768.529.929)	(3.390.920.948)	(130.151.480.130)
Tổng lỗ	(23.919.642.305)	(2.579.460.123)	(577.389.925)	(560.683.370)	(27.637.175.723)

(*) Trụ sở chính ở TP.HCM thực hiện chi một số chi phí hoạt động cho toàn Công ty nhưng không phân bổ tới các chi nhánh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.3 Các cam kết hoạt động

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính và chi nhánh dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	8.918.058.716	11.924.620.165
Từ 1 đến 5 năm	37.698.721.680	39.660.230.172
Trên 5 năm	8.076.331.930	28.566.285.158
TỔNG CỘNG	54.693.112.326	80.151.135.495

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính kèm theo.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay và các khoản phải trả.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 *Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)*

- *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.4 Trình bày bổ sung các thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ				
	Chứng khoán kinh doanh	Cho vay và phải thu	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính					
Đầu tư tài chính ngắn hạn					
Cổ phiếu niêm yết	87.839.990.116	-	-	87.839.990.116	30.814.198.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	24.424.400.000	-	-	24.424.400.000	(*)
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	-	399.553.657.111	-	399.553.657.111	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	131.517.142.289	131.517.142.289	131.517.142.289
Tổng cộng	112.264.390.116	399.553.657.111	131.517.142.289	643.335.189.516	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	-	-	247.000.000.000	247.000.000.000	(*)
Phải trả người bán	-	-	628.347.967	628.347.967	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	39.221.581.584	39.221.581.584	(*)
Chi phí phải trả	-	-	2.214.288.527	2.214.288.527	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	72.741.513.407	72.741.513.407	(*)
Tổng cộng	-	-	361.805.731.485	361.805.731.485	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và qui định cụ thể của Bộ Tài chính về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và nợ vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì các khoản vay trong năm có lãi suất cố định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 30.814.198.500 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 62.925.424.500 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 3.081.419.850 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6.292.542.450 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 3.081.419.850 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6.292.542.450 VNĐ).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng hợp tác đầu tư và giao dịch ký quỹ.

Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Đến 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	VNĐ Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Vay ngắn hạn	-	63.500.000.000	183.500.000.000	247.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	39.221.581.584	-	39.221.581.584
Chi phí phải trả	-	516.055.556	1.698.232.971	2.214.288.527
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.211.455.304	69.530.058.103	628.347.967	73.369.861.374
	3.211.455.304	172.767.695.243	185.826.580.938	361.805.731.485
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Vay ngắn hạn	-	175.441.572.364	275.000.000.000	450.441.572.364
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	114.097.618.728	-	114.097.618.728
Chi phí phải trả	-	1.500.997.792	25.924.599.877	27.425.597.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.313.688.496	50.423.334.755	492.460.334	54.229.483.585
	3.313.688.496	341.463.523.639	301.417.060.211	645.194.272.346

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

28.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Các khoản đảm bảo

Công ty có cầm cố, thế chấp các chứng khoán tự doanh cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Công ty nắm giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Người lập:



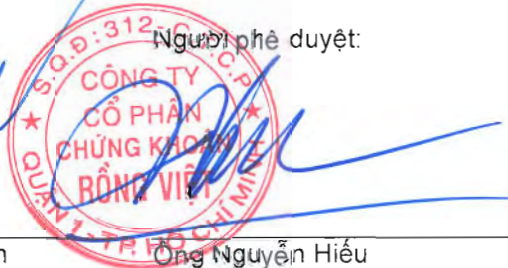
Bà Dương Kim Chi
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hiếu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2013